

Bản án số: **12 /2023/DS-ST**
Ngày: 01 - 03 - 2023
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu H1.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Chiêu;

Ông Nguyễn Thanh Lâm;

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 03 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2022/TLST – DS ngày 19 tháng 07 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị H1**, sinh năm 1937 (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: ấp B 1, xã Đ, huyện B, tỉnh E.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Thành T- Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh E.

2. Bị đơn: **Trương Thị X**, sinh năm 1966 (Có đơn xin vắng)

Địa chỉ : ấp B 1, xã Đ, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/07/2022, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 12/12/2022, bản tự khai ngày 12/12/2022, đơn xin giải quyết vắng mặt, và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Lê Thị H1 trình bày:*

Vào khoảng tháng 2/2021 âm lịch bà có cho con bà là Trương Thị X (tên gọi khác là Dung) mượn 13 chỉ vàng 24K bao gồm: 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn 03 chỉ vàng 24k. Khi mượn bà X hứa 04 tháng sau sẽ trả lại nhưng đến nay vẫn chưa trả lại.

Ngoài ra, ngày 05/04/2021 bà tiếp tục cho bà X mượn thêm 107.500.000đồng (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này là bà hốt hụi đưa cho bà X mượn và hứa đến tháng 01/2022 âm lịch sẽ trả lại nhưng đến nay vẫn chưa trả lại.

Quá trình tòa án giải quyết thì bà X chỉ thừa nhận nợ bà 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Vì vậy, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Trương Thị X trả lại cho bà một lần 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Do tuổi cao nên bà xin xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/12/2022 bà Trương Thị X thừa nhận còn nợ bà Lê Thị H1 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nên đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trương Thị X phải trả cho bà Lê Thị H1 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Ghi nhận bà Lê Thị H1 không yêu cầu bà Trương Thị X trả lãi suất của số tiền nêu trên.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/12/2022 bị đơn bà Trương Thị X trình bày:*

Bà thừa nhận có mượn của bà H1 là mẹ của bà 13(mười ba) chỉ vàng 24k nhưng trả rồi 2.600.00 đồng tương đương nửa chỉ vàng 24k nên bà chỉ còn nợ bà H1 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K. Ngoài ra bà con thừa nhận có mượn của bà H1 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền bà H1 hốt hụi đưa cho bà mượn. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên cho đến nay bà vẫn chưa trả lại cho bà H1. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà H1 bà đồng ý trả bà H1 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), nhưng xin trả dần. Do công việc nên bà yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70,71,72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của Thẩm phán về thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463,466 Bộ luật dân sự 2005; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị H1 đối với bà Trương Thị X. Buộc Bà Trương Thị X phải trả nợ cho bà Lê Thị H1 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng

(Một trăm triệu đồng). Ghi nhận bà Lê Thị H1 không yêu cầu bà Trương Thị X trả lãi suất của số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Lê Thị H1 khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị X trả lại 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp đòi tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị H1, bị đơn bà Trương Thị X có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà H1, bà X là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1 yêu cầu một mình bà Trương Thị X phải trả lại 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).* Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/12/2022 bà Trương Thị X thừa nhận còn nợ bà Lê Thị H1 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nên đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó có cơ sở xác định giữa bà H1 và bà X có quan hệ giao dịch về vay tài sản. Bà H1 là bên cho vay và bà X là bên vay. Trong quá trình vay, bà H1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay, nhưng bà X không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên vay là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà H1 đối bà X là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Trương Thị X phải trả cho bà Lê Thị H1 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ghi nhận bà Lê Thị H1 không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trương Thị X phải chịu án phí cụ thể:

Giá vàng tại E ngày 1/3/2023 là 5.320.000đồng/chỉ. Như vậy án phí là:
[(5.320.000đồng x 12,5chỉ vàng 24k) + 100.000.000 đồng] x 5% = 8.325.000đồng (Tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị H1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí,

[5] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B có cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, 147, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1 đối với bà Trương Thị X về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc bà Trương Thị X phải có nghĩa vụ trả cho Lê Thị H1 12,5 chỉ (mười hai chỉ năm phân) vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ghi nhận bà Lê Thị H1 không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trương Thị X phải chịu án phí là 8.325.000 đồng (Tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị H1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí,

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị H1, bị đơn bà Trương Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Hương

